

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2019-2020

Thực hiện hướng dẫn của Bộ thông tin và Truyền thông tại văn bản số 2321/BTTTT-KHHC ngày 19/7/2018, UBND tỉnh Lào Cai xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin của tỉnh, giai đoạn 2019-2020 như sau:

I. THỰC TRẠNG VÀ SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Thực trạng:

a) Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin (CNTT):

Mạng truyền dẫn cáp quang, phủ sóng di động, cung cấp dịch vụ Internet đến 100% trung tâm tỉnh, huyện, xã. Hạ tầng CNTT cấp huyện đã triển khai đồng bộ đến các huyện, thành phố; 100% cơ quan nhà nước (CQNN) đều có mạng nội bộ và kết nối Internet; 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện, 70% cấp xã được trang bị máy tính phục vụ công việc. Trung tâm mạng thông tin của tỉnh tiếp tục được bổ sung, nâng cấp các hệ thống nhằm nâng cao năng lực lưu trữ dữ liệu và đảm bảo an toàn thông tin phục vụ tốt cho hoạt động ứng dụng CNTT của tỉnh.

b) Về ứng dụng CNTT:

Hệ thống thư điện tử của tỉnh được nâng cấp và được sử dụng trong toàn hệ thống chính trị của tỉnh. Trung bình mỗi ngày có trên 5.000 thư được gửi, nhận qua hệ thống. 100% hộp thư công vụ của cơ quan, tổ chức đã được khai thác sử dụng, hộp thư cá nhân sử dụng đạt tỷ lệ trên 70%.

Phần mềm quản lý văn bản và điều hành: Triển khai nhân rộng đến 100% cơ quan sở, ban, ngành cấp tỉnh, cấp huyện, UBND cấp xã. Phần mềm triển khai giúp các cơ quan thuận tiện trong quá trình quản lý văn bản đi, đến; quản lý công việc và trao đổi văn bản điện tử toàn tỉnh, được tích hợp chữ ký số, kết nối, công khai kết quả gửi nhận văn bản điện tử trên Cổng thông tin điện tử chính phủ.

Hệ thống dịch vụ hành chính công trực tuyến - tích hợp một cửa liên thông điện tử triển khai tại địa chỉ <http://thc.laocai.gov.vn> đã được triển khai và đưa vào sử dụng cho 18/18 sở, ban, ngành có thủ tục hành chính (TTHC) và 9/9 huyện, thành phố, 100% UBND xã, phường, thị trấn, kết nối với hệ thống tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích và kết nối, công khai tiến độ giải quyết hồ sơ trên Cổng dịch vụ Công Quốc gia.

Hệ thống Cổng thông tin điện tử được triển khai thuê dịch vụ CNTT triển khai đồng bộ trong các CQNN của tỉnh. Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh sử dụng hiệu quả trong việc cung cấp thông tin phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Các ứng dụng khác: Hệ thống Quản lý người dùng chung của tỉnh đã được nâng cấp và kết nối với phần mềm quản lý văn bản và điều hành; Phần mềm dịch vụ hành chính công tỉnh Lào Cai đáp ứng nhu cầu đăng nhập các phần mềm dùng chung của tỉnh thông qua một tài khoản. Triển khai tích hợp chữ ký số vào phần mềm quản lý văn bản điều hành, phần mềm dịch vụ hành chính công bước đầu mang lại hiệu quả sử dụng, trong đó có 8 loại danh mục văn bản áp dụng chữ ký số được gửi, nhận, sử dụng hoàn toàn văn bản điện tử, không phải gửi văn bản giấy. Trên 80% văn bản đã được ký số của tổ chức phục vụ trao đổi, gửi nhận văn bản điện tử giữa các CQNN trên địa bàn tỉnh.

Các ứng dụng chuyên ngành tiếp tục được duy trì, triển khai sử dụng: phần mềm theo dõi chỉ đạo điều hành và phần mềm lịch công tác của Văn phòng UBND tỉnh; hệ thống thông tin quản lý bệnh viện, quản lý khám, chữa bệnh; hệ thống thông tin ngành giáo dục; hệ thống truy xuất nguồn gốc thực phẩm, nông sản; hệ thống cơ sở hạ tầng tiếp nhận quản lý số liệu quan trắc tự động; phần mềm ứng phó sự cố hóa chất; hệ thống thông tin quan trắc tự động kết nối một cửa quốc gia...

c) Về nguồn nhân lực CNTT:

Tỷ lệ cán bộ công chức, viên chức sử dụng thành thạo máy tính trong công việc: cấp tỉnh hơn 90%, cấp huyện 80% và cấp xã 60% cán bộ công chức sử dụng thành thạo máy tính để soạn thảo văn bản, truy cập Internet và tìm kiếm, khai thác thông tin phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ. Hằng năm, tỉnh tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo cho cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh.

Toàn tỉnh có 98 cán bộ chuyên trách, phụ trách về CNTT, trong đó 04 cán bộ có trình độ thạc sỹ về CNTT, 85 cán bộ có trình độ đại học về CNTT, 07 cán bộ có trình độ cao đẳng, 02 cán bộ có trình độ trung cấp CNTT.

2. Khó khăn, hạn chế:

Hệ thống mạng nội bộ, trang thiết bị đầu cuối của một số đơn vị sở, ban, ngành được đầu tư, song đã có tình trạng xuống cấp, hệ thống bảo mật hỗ trợ việc quản lý, giám sát, ngăn chặn các nguy cơ mất an toàn thông tin (ATTT) còn thiếu. Trang thiết bị ATTT cho trung tâm mạng của tỉnh chưa đáp ứng so với yêu cầu phát triển nhanh, mạnh trong tình hình hiện nay.

Hạ tầng kỹ thuật CNTT cơ quan cấp huyện, cấp xã chưa được đầu tư hoàn thiện, đồng bộ, nhất là hạ tầng mạng cấp xã nên chưa đáp ứng yêu cầu cho triển khai toàn diện ứng dụng CNTT.

Trục kết nối, liên thông các hệ thống thông tin dùng chung chưa được triển khai. Ứng dụng CNTT chuyên ngành trong các CQNN chưa có sự kết nối, chia sẻ dữ liệu với nhau và với các hệ thống thông tin có liên quan; việc tác nghiệp, điều hành, xử lý công việc theo quy trình khép kín hoàn toàn trên mạng còn hạn chế.

Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tuy đã có cải thiện, song vẫn chưa được khai thác sử dụng thường xuyên, các đơn vị chưa chú trọng khâu tuyên truyền phổ biến đến người dân, doanh nghiệp.

Dự án Đẩy mạnh ứng dụng CNTT gắn với CCHC và xây dựng CQĐT tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016-2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt từ năm 2016 và được các bộ, ngành liên quan thẩm định phù hợp với Chương trình mục tiêu CNTT và dự án đầu tư công, song đến nay vẫn chưa được cân đối, hỗ trợ vốn Trung ương để triển khai thực hiện.

3. Sự cần thiết:

Để khắc phục những khó khăn, hạn chế nêu trên, đồng thời phát triển CNTT ngày một sâu rộng hiệu quả phù hợp với các chủ trương, định hướng lớn của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, phù hợp với Quyết định số 153/QĐ-TTg về phê duyệt Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020; qua đó giúp xây dựng Chính quyền điện tử sâu rộng, đồng bộ, kết nối liên thông, hỗ trợ nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của hệ thống chính trị, tăng cường tính công khai, minh bạch thông tin, thúc đẩy cải cách hành chính và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, việc xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu CNTT của tỉnh giai đoạn 2019-2020 là hết sức cần thiết.

II. CĂN CỨ ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về Đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ về Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định thí điểm thuê dịch vụ CNTT trong cơ quan Nhà nước;

Quyết định số 898/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ đảm bảo an toàn thông tin mạng giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 30/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu CNTT giai đoạn 2016-2020;

Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 14/3/2016 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về việc Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Đề án số 20-ĐA/TU ngày 20/12/2016 của Tỉnh ủy Lào Cai về phát triển CNTT tỉnh Lào Cai giai đoạn 2017-2020;

Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 27/2/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án thí điểm phát triển đô thị thông minh tỉnh Lào Cai giai đoạn 2018-2025;

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Quan điểm:

Phát triển và ứng dụng CNTT đồng bộ, sâu rộng, kết nối, liên thông, đảm bảo an toàn thông tin, đáp ứng yêu cầu hội nhập, nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống chính trị, thúc đẩy cải cách hành chính tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh góp phần phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, đảm bảo an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu và các chỉ tiêu cụ thể:

2.1. Mục tiêu chung:

Phát triển hạ tầng, ứng dụng CNTT đồng bộ, hiệu quả trong các cơ quan nhà nước, xây dựng chính quyền điện tử kết nối, liên thông và cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, nâng cao năng lực đảm bảo an toàn an ninh thông tin trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2.2. Các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2020:

- Hoàn thành xây dựng hệ thống kết nối liên thông các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, có nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung và có khả năng kết nối với trục kết nối liên thông quốc gia;

- 30% hồ sơ thủ tục hành chính của tỉnh được xử lý trực tuyến mức độ 4 và có giải pháp xác thực điện tử tập trung.

- Trên 50% hồ sơ thủ tục hành chính cần trao đổi giữa các bộ phận một cửa liên thông được trao đổi qua môi trường mạng.

- Trên 80% hệ thống thông tin từ cấp độ 3 trở lên của tỉnh được áp dụng phương án bảo đảm an toàn thông tin phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Hệ thống Cổng thông tin điện tử của tỉnh được giám sát an toàn thông tin mạng.

- 100% cơ quan hành chính nhà nước các cấp được triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc, thư điện tử; tối thiểu 80% trở lên văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử.

3. Quy mô, phạm vi đầu tư:

3.1. Các nội dung, nhiệm vụ thực hiện từ vốn đầu tư phát triển của Chương trình:

- Phát triển hạ tầng CNTT, hệ thống thông tin, ứng dụng CNTT đáp ứng chuẩn kỹ thuật cơ quan nhà nước cấp tỉnh đến cấp xã;

- Xây dựng nền tảng kết nối, chia sẻ, tích hợp dùng chung cấp tỉnh, có khả năng kết nối với Trung ương tuân thủ quy định về Khung kiến trúc Chính phủ điện tử của Việt Nam và kiến trúc CQĐT của tỉnh.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung, CSDL chuyên ngành phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, tuân thủ các quy định về nguyên tắc xây

dụng, quản lý, khai thác, bảo vệ, duy trì cơ sở dữ liệu tại Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của CQNN, tiêu chuẩn kỹ thuật tại Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng CNTT trong CQNN; văn bản số 3788/BTTTT-THH ngày 26/12/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn liên thông, trao đổi dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong CQNN.

- Nâng cao an toàn thông tin: Đầu tư hạ tầng CNTT, trang thiết bị, phần mềm nâng cao an ninh bảo mật cho trung tâm mạng thông tin, trung tâm dữ liệu của tỉnh, các hệ thống thông tin dùng chung và cho các CQNN các cấp trên địa bàn tỉnh đáp ứng triển khai các hệ thống thông tin trên diện rộng từ tỉnh đến cơ sở, tuân thủ các quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 và tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11930:2017.

3.2. Các nội dung, nhiệm vụ thực hiện bằng nguồn vốn sự nghiệp của Chương trình:

- Thuê dịch vụ CNTT ở cả 3 cấp: Phần mềm quản lý văn bản và điều hành; Phần mềm dịch vụ hành chính công trực tuyến tích hợp một cửa liên thông điện tử; Hệ thống cổng thông tin điện tử; Trục kết nối liên thông tỉnh Lào Cai.

- Số hóa, chuyển đổi, chuẩn hóa, tạo lập dữ liệu, xây dựng CSDL dùng chung, CSDL chuyên ngành phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ việc quản lý, kết nối, khai thác được hiệu quả.

- Chuẩn hóa quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Điều chỉnh, bổ sung hệ thống thông tin phù hợp với quy trình cung cấp, đánh giá dịch vụ công được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Phát triển dịch vụ công trực tuyến tuân thủ quy định về cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT.

- Thuê dịch vụ công nghệ thông tin để rà soát đánh giá khả năng đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin quan trọng trên địa bàn tỉnh.

4. Nguồn vốn:

TT	Nguồn vốn	Năm 2019	Năm 2020
I	Ngân sách Trung ương:		
1	<i>Nguồn đầu tư</i>	<i>15.000.000.000 đ</i>	<i>15.000.000.000 đ</i>
2	<i>Nguồn sự nghiệp</i>	<i>37.600.000.000 đ</i>	<i>35.900.000.000 đ</i>
II	Ngân sách địa phương:		
1	<i>Nguồn đầu tư</i>	<i>9.000.000.000 đ</i>	<i>9.000.000.000 đ</i>
2	<i>Nguồn sự nghiệp</i>	<i>35.000.000.000 đ</i>	<i>33.000.000.000 đ</i>

5. Các giải pháp:

5.1. Giải pháp về cơ chế, chính sách; tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm:

- Ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp, tạo môi trường pháp lý thúc đẩy ứng dụng CNTT, đáp ứng các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch thực hiện Chương trình.

- Sửa đổi quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh sau khi Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 102/2012/NĐ-CP về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT.

- Thông tin tuyên truyền bằng nhiều hình thức phù hợp trên các phương tiện thông tin đại chúng về công tác ứng dụng CNTT, cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến cho các tổ chức, doanh nghiệp, người dân.

5.2. Giải pháp tài chính:

- Bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn lực tài chính để thực hiện đúng tiến độ các dự án CNTT được phê duyệt, đáp ứng các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Tiếp tục áp dụng thuê dịch vụ CNTT trong CQNN trên địa bàn tỉnh.

- Huy động nguồn lực và hợp tác với các Tập đoàn, Công ty lớn về CNTT-TT, thương mại điện tử tạo nguồn lực cho phát triển CNTT, chính quyền điện tử và ATTT trên địa bàn tỉnh.

5.3. Giải pháp triển khai:

- Triển khai hiệu quả việc ứng dụng CNTT gắn kết, đồng bộ với công tác CCHC trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai theo hướng dùng chung, tuân thủ Khung kiến Chính phủ điện tử Việt Nam, kiến trúc CQĐT của tỉnh.

- Tăng cường công tác giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động ứng dụng CNTT, thực hiện các cơ chế chính sách về CNTT, ATTT trong các CQNN trên địa bàn tỉnh.

6. Kết quả và hiệu quả:

- Các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch được triển khai hiệu quả đạt yêu cầu, chỉ tiêu của Chương trình;

- Hệ thống thông tin nền tảng, CSDL dùng chung trọng điểm của tỉnh từng bước được triển khai hỗ trợ khả năng kết nối và liên thông dữ liệu cần thiết cho các ứng dụng dùng chung của tỉnh, tận dụng được các hệ thống phần mềm có sẵn và tài nguyên hiện có, để trao đổi, chia sẻ tài nguyên với nhau, tránh đầu tư trùng lặp, lãng phí; công tác đảm bảo an toàn thông tin được tăng cường; giúp các cơ quan quản lý nhà nước có thể trao đổi, giải quyết công việc một cách thông suốt, nhanh chóng, an toàn và tiện lợi, góp phần thúc đẩy cải cách hành chính, phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

7. Tổ chức thực hiện:

7.1. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, dự án của Kế hoạch; theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện kế hoạch; tham mưu UBND tỉnh bổ sung, điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết.

- Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành kịp thời cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật tạo hành lang pháp lý phát triển CNTT, ATTT.

- Triển khai các ứng dụng, phần mềm dùng chung đến các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh. Phối hợp, đôn đốc các đơn vị cung cấp phần mềm thuê dịch vụ CNTT thực hiện hỗ trợ, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong việc sử dụng, vận hành và khai thác hiệu quả các phần mềm, ứng dụng CNTT.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đánh giá hiệu quả các phần mềm, ứng dụng CNTT triển khai trên địa bàn tỉnh;

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân tăng cường ứng dụng CNTT, đảm bảo ATTT.

- Tiếp tục tham mưu tổ chức đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT các CQNN của tỉnh.

- Phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện đồng bộ, gắn kết chương trình, kế hoạch ứng dụng CNTT với chương trình, kế hoạch CCHC.

- Chủ trì, phối hợp, hợp tác với các cơ quan, tổ chức trong và ngoài tỉnh triển khai các hoạt động thúc đẩy phát triển và ứng dụng CNTT, đảm bảo ATTT trên địa bàn tỉnh.

7.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông xem xét, đề xuất bố trí đảm bảo nguồn vốn đầu tư để triển khai đạt mục tiêu, nhiệm vụ, dự án của kế hoạch.

7.3. Sở Tài Chính:

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đề xuất bố trí kinh phí sự nghiệp để triển khai đạt mục tiêu, nhiệm vụ, dự án của kế hoạch.

7.4. Sở Nội vụ:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai đồng bộ gắn kết ứng dụng CNTT với CCHC trong các CQNN.

- Ưu tiên bố trí biên chế CNTT, chỉ tiêu đào tạo chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT cho lãnh đạo, CBCCVC; đào tạo chuyên sâu về CNTT, ATTT cho cán bộ chuyên trách/phụ trách CNTT trong các CQNN.

7.5. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố:

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm cá nhân trước UBND tỉnh về kết quả ứng dụng CNTT, ATTT của cơ quan, đơn vị mình.

- Căn cứ kế hoạch chung của tỉnh, xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT hằng năm của cơ quan, địa phương, gửi Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, tổng hợp. Định kỳ 6 tháng hoặc đột xuất báo cáo kết quả triển khai thực hiện kế hoạch và công tác ứng dụng CNTT, đảm bảo ATTT trong cơ quan, địa phương mình gửi về Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong công tác triển khai các chương trình dự án, tiếp nhận và đưa vào sử dụng các hệ thống hạ tầng kỹ thuật CNTT, các phần mềm ứng dụng dùng chung của tỉnh tại cơ quan, địa phương mình đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng quy định. Các đơn vị chủ trì dự án, chú trọng thực hiện theo hình thức thuê dịch vụ CNTT và tuân thủ các quy định của nhà nước về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT, đảm bảo hiệu quả, khả thi.

8. Kiến nghị, đề xuất:

- Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với các Bộ, ngành liên quan sớm trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT;

- Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính ưu tiên bố trí ngân sách từ Trung ương cho các tỉnh vùng sâu, vùng xa, biên giới còn nhiều khó khăn trong đó có Lào Cai để triển khai đạt mục tiêu Chương trình./

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Văn phòng Chính phủ;
- TT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, PCVP2;
- Lưu: VT, TH1, BBT1., KSTT2, VX1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Xuân Thanh



HUYỆN MINH KẾ HOẠCH THUÊ DỊCH VỤ CNTT (GD 2019-2020)

Trục kết nối liên thông tỉnh Lào Cai

hoạch số 227/KH-UBND ngày 25/7/2018 của UBND tỉnh)

1. Căn cứ lập kế hoạch:

- Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;
- Luật Lưu trữ (luật số 01/2011/QH13) ngày 11/11/2011;
- Nghị định 64/2007/NĐ-CP ngày 10/04/2007 của Chính phủ về việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước;
- Nghị định 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về việc quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;
- Nghị quyết số 36^a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về chính phủ điện tử;
- Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 30/1/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình mục tiêu CNTT giai đoạn 2016-2020;
- Thông tư số 22/2013/TT-BTTTT ngày 23/12/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước;
- Thông tư số 06/2011/TT-BTTTT ngày 28/2/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về Quy định lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;
- Quyết định số 19/2008/QĐ-BTTTT ngày 05/04/2008 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Ban hành quy định áp dụng tiêu chuẩn về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;
- Văn bản số 1178/BTTTT-THH ngày 21/4/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam (Phiên bản 1.0)
- Thông tư 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước;
- Thông tư 10/2016/TT-BTTTT ngày 01/04/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành “quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc mã định danh và định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối các hệ thống quản lý văn bản và điều hành”;
- Công văn 11594/VPCP-TTĐT ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc mô hình mẫu hệ thống quản lý văn bản điện tử 4 cấp chính quyền (dành cho địa phương);

- Công văn 11503/VPCP-TTĐT ngày 30/10/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc hoàn thành kết nối, liên thông phần mềm quản lý văn bản;

- Đề án số 20-ĐA/TU ngày 20/12/2016 của Tỉnh ủy Lào Cai về phát triển CNTT tỉnh Lào Cai giai đoạn 2017-2020

- Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 27/2/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án thí điểm phát triển đô thị thông minh tỉnh Lào Cai giai đoạn 2018-2025;

- Kế hoạch số 340/KH-UBND ngày 29/12/2017 về việc ban hành Kế hoạch phát triển CNTT trong các cơ quan nhà nước tỉnh Lào Cai năm 2018;

- Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của UBND tỉnh ban hành danh mục mã định danh phục vụ kết nối các hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Lào Cai;

- Văn bản số 2789/UBND-VX ngày 25/6/2018 của UBND tỉnh Lào Cai về việc chủ trương thuê dịch vụ CNTT trực kết nối liên thông tỉnh Lào Cai.

2. Mục tiêu:

Thuê phần mềm Trực kết nối liên thông trên địa bàn tỉnh Lào Cai nhằm:

- Triển khai đồng bộ ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, tác nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước;

- Cho phép các ứng dụng, dịch vụ phần mềm khác nhau với nhiều kiến trúc, nền tảng và chuẩn giao tiếp khác nhau trên các hệ điều hành khác nhau có thể liên kết, trao đổi thông tin với nhau.

- Trao đổi dữ liệu, kết nối liên thông các thông tin, văn bản điện tử, liên thông trạng thái của văn bản điện tử, liên thông hồ sơ một cửa điện tử ... giữa các cơ quan nhà nước một cách nhanh chóng, giảm thời gian luân chuyển hồ sơ, văn bản và nâng cao khả năng quản lý tiến độ, theo dõi công việc, giải quyết công việc nhanh chóng, tiện lợi.

3. Nhiệm vụ:

- Thuê trực kết nối liên thông tỉnh Lào Cai với Trực liên thông Văn phòng Chính phủ theo mô hình kết nối Trực - Trực;

- Thuê trực kết nối liên thông cho Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy và các Ban Đảng của Tỉnh ủy;

- Thuê trực kết nối liên thông cho HEND, UBND, cơ quan mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh;

- Thuê trực kết nối liên thông cho các sở, ban, ngành và các đơn vị trực thuộc;

- Thuê trực kết nối liên thông cho các huyện, thành phố, các phòng, ban chuyên môn trực thuộc;

- Thuê trực kết nối liên thông cho các xã, phường, thị trấn.

4. Kinh phí:

a) Căn cứ lập dự toán:

- Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về quy định thí điểm thuê dịch vụ CNTT trong cơ quan nhà nước;

- Quyết định số 2589/QĐ-BTTTT ngày 24/3/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn xác định chi phí phát triển, nâng cấp phần mềm nội bộ;

- Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông công bố định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Kinh phí của Chương trình nguồn ngân sách trung ương: 11.000 triệu đồng.

c) Kinh phí đối ứng của địa phương: 5.000 triệu đồng.

5. Thời gian thuê: giai đoạn 2018-2020.

6. Giải pháp thực hiện: Thuê dịch vụ CNTT hàng năm tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Lào Cai.

7. Lộ trình và tổ chức thực hiện:

7.1. Sở Thông tin và truyền thông:

- Chủ trì ký kết hợp đồng và tổ chức triển khai, thực hiện việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin theo quy định tại Quyết định 80/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các quy định hiện hành của Nhà nước có liên quan.

- Thực hiện tuyên truyền để triển khai sử dụng hiệu quả sau khi triển khai.

- Hàng năm tổng hợp kinh phí thuê dịch vụ CNTT vào dự toán ngân sách của cơ quan gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh và nhà cung cấp dịch vụ CNTT, tổng hợp tình hình triển khai, kết quả thực hiện; sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh nội dung, giải pháp để thực hiện Kế hoạch đúng tiến độ, đạt hiệu quả cao nhất.

- Hướng dẫn, thẩm định, giám sát việc tuân thủ Kiến trúc Chính quyền điện tử và trực kết nối liên thông tỉnh Lào Cai đối với các dự ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

7.2. Sở Tài chính:

- Tổng hợp nhu cầu kinh phí, thẩm định dự toán trình UBND tỉnh phê duyệt kinh phí thuê dịch vụ CNTT theo quy định.

- Tham mưu cân đối ngân sách và cơ chế tài chính đảm bảo thực hiện các nội dung của kế hoạch; Hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo quy định của nhà nước.

7.3. Các cơ quan, đơn vị trong phạm vi triển khai:

- Có trách nhiệm phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan triển tổ chức triển khai tại cơ quan, đơn vị; phân công lãnh đạo phụ trách và chuyên viên làm đầu mối tham mưu, phối hợp với các cơ quan liên quan trong quá trình triển khai phần mềm; chủ động sửa chữa, bổ sung trang thiết bị, nâng cấp

hạ tầng kỹ thuật CNTT đảm bảo việc khai thác, sử dụng hiệu quả sau khi được triển khai;

- Tuân thủ Kiến trúc Chính quyền điện tử và trực kết nối liên thông tỉnh Lào Cai khi thực hiện các dự ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước đảm bảo tính kết nối, liên thông, hiệu quả.

8. Dự kiến hiệu quả và việc hoàn thành mục tiêu của chương trình:

Trực kết nối liên thông tỉnh Lào Cai sau khi được triển khai hỗ trợ khả năng kết nối, liên thông dữ liệu cần thiết cho các ứng dụng dùng chung của tỉnh trên nhiều nền tảng khác nhau, tận dụng được các hệ thống phần mềm có sẵn và tài nguyên hiện có để trao đổi, chia sẻ tài nguyên với nhau; Giúp các cơ quan quản lý nhà nước có thể trao đổi, giải quyết công việc một cách thông suốt, nhanh chóng, an toàn và tiện lợi, góp phần thúc đẩy cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

9. Phương án duy trì thực hiện thuê dịch vụ sau khi kết thúc Chương trình:

Tỉnh tiếp tục bố trí ngân sách duy trì thực hiện thuê dịch vụ sau khi kết thúc Chương trình./.

THUYẾT MINH KẾ HOẠCH THUÊ DỊCH VỤ CNTT (GD 2019-2020)

Tính đến hiện tại CNTT đánh giá mức độ đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin dùng chung tỉnh Lào Cai



1. Căn cứ lập kế hoạch

- Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;
- Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 của Quốc hội;
- Nghị định 64/2007/NĐ-CP ngày 10/04/2007 của Chính phủ về việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước;
- Nghị định 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về việc quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;
- Nghị quyết số 36^a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về chính phủ điện tử;
- Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 30/1/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình mục tiêu CNTT giai đoạn 2016-2020;
- Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước;
- Thông tư số 06/2011/TT-BTTTT ngày 28/2/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về Quy định lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;
- Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 13/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển an toàn thông tin số quốc gia đến năm 2020;
- Chỉ thị số 897/CT-TTg ngày 10/6/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc tăng cường triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn thông tin số;
- Chỉ thị 15/CT-TTg ngày 17/06/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an ninh an toàn thông tin mạng trong tình hình mới;
- Căn cứ Quyết định số 898/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2016 - 2020;
- Căn cứ Thông báo số 17/TB-VPCP ngày 12/01/2018 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam tại phiên họp toàn thể Ủy ban Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin.
- Đề án số 20-ĐA/TU ngày 20/12/2016 của Tỉnh ủy Lào Cai về phát triển CNTT tỉnh Lào Cai giai đoạn 2017-2020.

- Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 27/2/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án thí điểm phát triển đô thị thông minh tỉnh Lào Cai giai đoạn 2018-2025;

- Kế hoạch số 340/KH-UBND ngày 29/12/2017 về việc ban hành Kế hoạch phát triển CNTT trong các cơ quan nhà nước tỉnh Lào Cai năm 2018;

- Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của UBND tỉnh ban hành danh mục mã định danh phục vụ kết nối các hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Lào Cai;

- Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 09/3/2018 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Kế hoạch triển khai Đề án thí điểm phát triển đô thị thông minh Tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2018-2025;

2. Bối cảnh, dự báo:

Tại Việt Nam hiện nay, đã ghi nhận các hình thức tấn công có chủ đích của tin tặc nhằm vào hệ thống thông tin quan trọng của các cơ quan nhà nước và các địa phương. Tình hình ATTT mạng cũng ngày càng diễn biến phức tạp với sự tăng mạnh về quy mô, số lượng, mức độ tinh vi và tính chuyên nghiệp trong các cuộc tấn công mạng, đặc biệt là tấn công mạng vào hệ thống thông tin của các doanh nghiệp lớn. Đặc biệt, trong thời gian tới, tình hình ATTT được dự báo sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp và xu hướng bùng nổ trên thế giới

Trước tình hình trên, tỉnh Lào Cai cần có các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, trách nhiệm về ATTT cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và toàn thể cộng đồng. Đồng thời do nguồn nhân lực về ATTT còn hạn chế do đó cần có các tổ chức có năng lực, chuyên môn thực hiện đánh giá mức độ bảo đảm an toàn thông tin mạng của các sở, ban, ngành, địa phương và Trung tâm Mạng thông tin của tỉnh.

3. Mục tiêu:

Báo cáo đánh giá thường xuyên được mức độ đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin dùng chung quan trọng của tỉnh

4. Nhiệm vụ:

Đánh giá mức độ đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin dùng chung quan trọng của tỉnh gồm:

- Trung tâm mạng thông tin của tỉnh, các sở, ban, ngành;
- Trung tâm điều hành đô thị thông minh tỉnh Lào Cai;
- Trung tâm mạng các huyện, thành phố;

Yêu cầu về đánh giá bảo đảm an toàn hệ thống thông tin: gồm có:

- Yêu cầu kỹ thuật (an toàn hạ tầng mạng; an toàn máy chủ; an toàn ứng dụng và an toàn dữ liệu);

- Yêu cầu quản lý (chính sách chung; tổ chức, nhân sự; quản lý thiết kế, xây dựng; quản lý vận hành; kiểm tra, đánh giá và quản lý rủi ro).

5. Kinh phí:

a) Căn cứ lập dự toán:

- Căn cứ Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về quy định thí điểm thuê dịch vụ CNTT trong cơ quan nhà nước;

- Căn cứ Quyết định số 2589/QĐ-BTTTT ngày 24/8/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn xác định chi phí phát triển, nâng cấp phần mềm nội bộ;

- Căn cứ Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông công bố định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Kinh phí của Chương trình nguồn ngân sách trung ương: 4.000 triệu đồng.

c) Kinh phí đối ứng của địa phương: 2.000 triệu đồng

6. Thời gian thuê: giai đoạn 2019-2020.

7. Giải pháp thực hiện: Thuê dịch vụ CNTT.

8. Lộ trình thực hiện: Thực hiện thuê dịch vụ hàng năm.

9. Dự kiến hiệu quả và việc hoàn thành mục tiêu của chương trình

Đây là hoạt động hết sức quan trọng, sẽ được thực hiện hàng năm nhằm đánh giá tổng quát về nhận thức và tình hình triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh. Qua đó góp phần hoàn thiện dần công tác đảm bảo an toàn thông tin tại tỉnh Lào Cai, bước đầu giải quyết các vấn đề cụ thể như xác định hệ thống thông tin và cấp độ an toàn hệ thống thông tin; các yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin; kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin và một số công tác liên quan đến việc bảo đảm an toàn thông tin.

Theo đó, việc đánh giá công tác đảm bảo an toàn thông tin theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành có liên quan khác. Đồng thời để có biện pháp đầu tư, vận hành sử dụng hợp lý, phù hợp

10. Phương án duy trì thực hiện thuê dịch vụ sau khi kết thúc Chương trình: Tỉnh tiếp tục bố trí ngân sách duy trì thực hiện thuê dịch vụ sau khi kết thúc Chương trình./.



**THUYẾT MINH KẾ HOẠCH CHUẨN HÓA TẠO LẬP,
CHUYỂN ĐỔI CƠ SỞ DỮ LIỆU (GD 2019-2020)**
(Kế hoạch số 227 /KH-UBND ngày 25/7/2018 của UBND tỉnh)

1. Căn cứ lập kế hoạch:

- Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về Đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;
- Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ về Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;
- Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 30/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu CNTT giai đoạn 2016-2020;
- Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 14/3/2016 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về việc Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Lào Cai;
- Đề án số 20-ĐA/TU ngày 20/12/2016 của Tỉnh ủy Lào Cai về Đề án phát triển CNTT tỉnh Lào Cai giai đoạn 2017-2020;
- Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước;
- Quyết định 1595/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức lập cơ sở dữ liệu trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Thực trạng công tác quản lý, chuyển đổi dữ liệu:

Công tác quản lý, lưu trữ hồ sơ tài liệu tại các Sở ban ngành trong tỉnh đang được thực hiện thủ công:

- Hồ sơ, tài liệu được lưu trữ trong các hộp hồ sơ, để trên giá hồ sơ;
- Khai thác tài liệu được thực hiện theo quy trình mượn trả vật lý;
- Những tài liệu từ trước năm 2000 đã xuống cấp, giấy cũ, vàng, một số bị rách, bở, quần góc;
- Công tác lưu trữ, khai thác hồ sơ có nhiều bất cập: khai thác thông tin chậm trễ, tuổi thọ của tài liệu gốc bị giảm do việc sao chụp nhiều lần, thông tin dễ bị chìm lấp, chưa tìm kiếm được theo nội dung tài liệu;
- Nhiều tài liệu quý bị xuống cấp theo thời gian, có nguy cơ hư hỏng mất mát;

Các hạn chế trên sẽ được giải quyết bằng giải pháp số hóa tài liệu chuyển thành văn bản dạng điện tử có thể tìm kiếm nội dung cũng như dễ dàng tái sử dụng nội dung của văn bản.

Giải pháp số hóa sẽ đem lại các lợi ích:

- + Khai thác văn bản dễ dàng, nhanh chóng hơn;
- + Kéo dài tuổi thọ của tài liệu truyền thống;
- + Truy xuất, tìm kiếm thông tin toàn văn ở bất kỳ đâu và bất kỳ thời điểm nào
- + Lưu trữ vĩnh viễn những tài liệu quý, có giá trị sử dụng lâu dài
- + Nâng cao năng suất lao động, rút ngắn thời gian thực hiện các dịch vụ công

3. Mục tiêu:

- Ứng dụng CNTT vào công tác quản lý, lưu trữ, nâng cao hiệu quả sử dụng kho tư liệu, đảm bảo có thể lưu trữ vĩnh viễn tài liệu quan trọng.

- Tạo lập CSDL lưu trữ tài liệu điện tử cho phép tìm kiếm, truy xuất văn bản qua máy tính một cách nhanh chóng, tiết kiệm tối thiểu một nửa thời gian so với phương pháp truyền thống

- Giảm thời gian tìm kiếm, truy xuất, luân chuyển hồ sơ, tài liệu, văn bản, nâng cao khả năng quản lý, giảm thời gian thực hiện các dịch vụ công

- Bảo tồn, lưu trữ lâu dài những tài liệu quý có nguy cơ hư hỏng mất mát

4. Nhiệm vụ:

- Chuẩn hóa, số hóa, tạo lập dữ liệu chỉ tiêu kinh tế xã hội tỉnh Lào Cai;

- Chuẩn hóa, số hóa, tạo lập dữ liệu chuyên ngành trọng điểm của tỉnh.

5. Kinh phí:

a) Căn cứ lập dự toán:

Căn cứ Quyết định 1595/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức lập cơ sở dữ liệu trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin

b) Kinh phí của Chương trình nguồn ngân sách Trung ương: 43.000 triệu đồng.

c) Kinh phí đối ứng của địa phương: 34.000 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện: giai đoạn 2019-2020.

7. Giải pháp thực hiện: Chuẩn hóa, số hóa, tạo lập dữ liệu tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

8. Lộ trình thực hiện: 2019-2020.

9. Dự kiến kết quả và hoàn thành mục tiêu của chương trình:

- Chuyển đổi phương thức lưu trữ của tài liệu giấy sang tài liệu điện tử, tạo tiền đề hướng tới mục tiêu số hóa toàn bộ tài liệu lưu trữ đến thời điểm hiện tại.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành, địa phương tạo cơ sở ứng dụng CNTT trong nội bộ, phục vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao.

- Lưu trữ vĩnh viễn những tài liệu quý, có giá trị sử dụng lâu dài.

- Nâng cao tốc độ tìm kiếm, truy xuất văn bản hồ sơ, tài liệu của các Sở ban ngành, qua đó nâng cao năng suất lao động, rút ngắn thời gian thực hiện các dịch vụ công./.

BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU CNTT NĂM 2019, 2020

(Kèm theo Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 25/7/2018 của UBND tỉnh)

TT	Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung	Khối lượng thực hiện	Cơ quan chủ trì	Nguồn vốn năm 2019 (DVT: tỷ đồng)				Nguồn vốn năm 2020 (DVT: tỷ đồng)				Ghi chú
						NSTW		NSDP		NSTW		NSDP		
						ĐT	SN	ĐT	SN	ĐT	SN	ĐT	SN	
1	Dự án Phát triển hạ tầng CNTT tỉnh Lào Cai	Phát triển hạ tầng CNTT đồng bộ, đạt chuẩn kỹ thuật đáp ứng triển khai sâu rộng ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh	Phát triển hạ tầng kỹ thuật CNTT trong các CQNN các cấp trên địa bàn tỉnh	- Phát triển trung tâm mạng thông tin của tỉnh; - Phát triển, mở rộng hệ thống hạ tầng CNTT, kết nối mạng đồng bộ, đạt chuẩn kỹ thuật các cơ quan từ tỉnh đến xã	Sở TT&TT			6				6		
2	Dự án Đẩy mạnh ứng dụng CNTT gắn với cải cách hành chính và xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016-2020	Phát triển kiến trúc Chính quyền điện tử, nền tảng chia sẻ, kết nối, tích hợp dùng chung cấp tỉnh hỗ trợ kết nối, liên thông, chia sẻ tài nguyên, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, có khả năng kết nối với trung ương	Xây dựng nền tảng kết nối, chia sẻ, tích hợp dùng chung cấp tỉnh, có khả năng kết nối với trung ương tuân thủ quy định về Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử của Việt Nam	- Khảo sát, xây dựng nền tảng kết nối, chia sẻ, tích hợp dùng chung cấp tỉnh, có khả năng kết nối với trung ương tuân thủ quy định về Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử của Việt Nam; - Chuyển giao công nghệ; - Đào tạo tập huấn sử dụng	Sở TT&TT	15		3	3	15		3	3	(*)
3	Dự án: Chuyển đổi, chuẩn hóa, số hóa, tạo lập dữ liệu, CSDL dùng chung phục vụ phát triển kinh tế-xã hội	Ứng dụng CNTT chuẩn hóa, chuyển đổi, số hóa tạo lập cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ phát triển kinh tế-xã hội đảm bảo kết nối, chia sẻ, liên thông	- Chuẩn hóa dữ liệu; - Chuyển đổi, số hóa CSDL; hệ thống thông tin, CSDL dùng chung phát triển kinh tế-xã hội	- Khảo sát, chuẩn hóa dữ liệu; - Chuyển đổi, số hóa CSDL, hệ thống thông tin, CSDL dùng chung phát triển kinh tế-xã hội phương - Đào tạo chuyển giao công nghệ, sử dụng, vận hành	Sở TT&TT		8		3		8		3	

4	Dự án. Chuyển đổi, chuẩn hóa, số hóa, tạo lập dữ liệu, CSDL chuyên ngành	Ứng dụng CNTT chuẩn hóa, chuyển đổi, số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, đảm bảo kết nối, chia sẻ, liên thông	- Chuẩn hóa dữ liệu; - Chuyển đổi, số hóa CSDL; hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành	- Khảo sát, chuẩn hóa dữ liệu; - Chuyển đổi, số hóa CSDL, hệ thống thông tin, CSDL. chuyên ngành; - Đào tạo chuyển giao công nghệ, sử dụng, vận hành	Số TT&TT; Các sở, cơ quan chuyên ngành:								
				Chuyển đổi, số hóa CSDL lưu trữ của VP UBND tỉnh	VP UBND tỉnh	1	1	1	1				
				Chuyển đổi, số hóa CSDL, hệ thống thông tin, CSDL. chuyên ngành thông tin truyền thông	Số TTTT	1	1,9	1	1,9				
				Chuyển đổi, số hóa CSDL, hệ thống thông tin, CSDL. chuyên ngành lao động, thương mại xã hội	Sở Lao động TBXH	2,5	2,5	2,5	2,5				
				Chuyển đổi, số hóa CSDL, hệ thống thông tin, CSDL. chuyên ngành tư pháp	Sở Tư pháp	3	2,2	2,2	2,2				
				Chuyển đổi, số hóa CSDL, hệ thống thông tin, CSDL dân tộc, chính sách dân tộc giai đoạn 2	Ban dân tộc	1	1	1	1				
				Chuyển đổi, số hóa CSDL, hệ thống thông tin, CSDL. chuyên ngành về đăng ký doanh nghiệp hs doanh nghiệp của Sở KHĐT	Sở KHĐT	3	2	2	2				
				Chuyển đổi, số hóa CSDL lưu trữ của chi cục lưu trữ tỉnh	Sở Nội vụ; Chi cục lưu trữ tỉnh	2	3	3	3				

5	Chuẩn hóa quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Chuẩn hóa quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến đáp ứng quy định theo Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông	Chuẩn hóa quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến đáp ứng quy định theo Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông	- Khảo sát, chuẩn hóa quy trình, thủ tục, tiện ích phát triển dịch vụ công trực tuyến mức 3, mức 4	V PUBND tỉnh; Sở TT&TT; các cơ quan, đơn vị cung cấp DVCTT			1,5		1,5		1,5		1,5	
6	Trực kết nối liên thông hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh	Xây dựng trực kết nối liên thông hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh trên cả 3 cấp kết nối với trực liên thông quốc gia	Xây dựng trực kết nối liên thông hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, hệ thống thông tin tích hợp các ứng dụng dùng chung của tỉnh	Khảo sát, xây dựng trực kết nối liên thông hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, hệ thống thông tin tích hợp các ứng dụng dùng chung của tỉnh Đào tạo tập huấn sử dụng, vận hành	Sở TT&TT		5,5		2,5		5,5		2,5	(**)	
7	Thuê dịch vụ CNTT đánh giá mức độ đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin	Báo cáo đánh giá thường xuyên được mức độ đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin dùng chung quan trọng của tỉnh	Đánh giá mức độ đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin dùng chung quan trọng của tỉnh	Đánh giá mức độ đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin dùng chung quan trọng của tỉnh	Sở TT&TT		2		1		2		1	(***)	
8	Triển khai chữ ký số	Ứng dụng tích hợp chữ ký số chuyên dùng vào hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, tích hợp phiên bản mobi hỗ trợ tăng cường văn bản điện tử trong các CQNN	tích hợp chữ ký số chuyên dùng vào hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, tích hợp phiên bản mobi	tích hợp chữ ký số chuyên dùng vào hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, tích hợp phiên bản mobi	Sở TT&TT				0,75				0,75		
9	Hệ thống thông tin tích hợp các ứng dụng dùng chung của tỉnh	Hỗ trợ việc tích hợp các hệ thống thông tin dùng chung với một địa chỉ truy cập duy nhất và sử dụng các dịch vụ của ứng dụng được kết nối với hệ thống giúp công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành được thuận tiện, hiệu quả	Tích hợp các hệ thống thông tin dùng chung với một địa chỉ truy cập duy nhất và sử dụng các dịch vụ của ứng dụng được kết nối với hệ thống	Khảo sát, tích hợp các hệ thống thông tin dùng chung với một địa chỉ truy cập duy nhất và sử dụng các dịch vụ của ứng dụng được kết nối với hệ thống	Sở TT&TT		2,9		2,9		2,0		1,9		

10	Dự án: Nâng cao an toàn thông tin trung tâm mạng thông tin tỉnh	Nâng cao ATTT các hệ thống thông tin, ứng dụng, dịch vụ dùng chung trung tâm mạng thông tin của tỉnh	Nâng cao ATTT các hệ thống thông tin, ứng dụng, dịch vụ dùng chung trung tâm mạng thông tin của tỉnh	Nâng cao ATTT các hệ thống thông tin, ứng dụng, dịch vụ dùng chung trung tâm mạng thông tin của tỉnh	Số TT&TT	3		3		3		3	
11	Dự án: Nâng cao an toàn thông tin các cơ quan nhà nước	Nâng cao khả năng đảm bảo ATTT cho các cơ quan nhà nước và các địa phương trên địa bàn tỉnh Lào Cai	Nâng cao khả năng đảm bảo ATTT cho các cơ quan nhà nước và các địa phương trên địa bàn tỉnh Lào Cai	Trang bị hệ thống nâng cao ATTT cho các sở, ban, ngành và UBND các huyện thành phố	Số TT&TT	1		2		1		1	
12	Hoạt động ứng cứu sự cố đảm bảo an toàn thông tin mạng	Thực hiện các hoạt động ứng cứu sự cố mất an toàn thông tin khẩn cấp xảy ra trên địa bàn tỉnh	Triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố máy tính trên địa bàn tỉnh	Trang bị các hệ thống thông tin, công cụ, phần mềm phục vụ hoạt động ứng cứu sự cố	Số TT&TT			1,5				1,5	
13	Tuyên truyền, tập huấn sử dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Tuyên truyền, tập huấn sử dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến giúp các tổ chức, doanh nghiệp, người dân biết và sử dụng hiệu quả hệ thống dịch vụ công trực tuyến của tỉnh	Luyện truyền, tập huấn sử dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho các tổ chức, doanh nghiệp, người dân	Tuyên truyền, tập huấn sử dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho các tổ chức, doanh nghiệp, người dân	VP UBND tỉnh; Sở TT&TT;	0,20		0,25		0,20		0,25	
Tổng cộng:						15,0	37,6	9,0	35,0	15,0	35,9	9,0	33,0

Ghi chú: (*) NSTW giao kế hoạch 2016-2020 36 tỷ (90%) theo văn bản số 916/BKHĐT-TH ngày 05/2/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; (**), (***) Thuê dịch vụ CNTT có thuyết minh kế hoạch thuê dịch vụ kèm theo.